**CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2018/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

DỰ THẢO

**ĐỀ CƯƠNG NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về thanh toán không dùng tiền mặt**

**1. Căn cứ ban hành**

*Căn cứ* *Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.*

**2. Kết cấu của dự thảo Nghị định**

**Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt: mở và sử dụng tài khoản thanh toán; dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; dịch vụ trung gian thanh toán; tổ chức, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng; kiểm tra, giám sát dịch vụ thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đại lý thanh toán.

4. Tổ chức có liên quan đến thanh toán quốc tế.

5. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ trung gian thanh toán (sau đây gọi chung là khách hàng).

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt:

Dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng

Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng

2. Thanh toán quốc tế

3.Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngân hàng: ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Quỹ tín dụng nhân dân

Tổ chức tài chính vi mô

Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích

4.Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: Tổ chức không phải là ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

5. Tổ chức có liên quan đến thanh toán quốc tế: Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối; tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; tổ chức thanh toán quốc tế (như ngân hàng nước ngoài, tổ chức thẻ quốc tế, tổ chức trung gian quốc tế, tổ chức chuyển tiền quốc tế...).

6. Chủ tài khoản thanh toán

7. Phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt

8. Phương tiện thanh toán không hợp pháp

9. Tiền điện tử là giá trị tiền tệ được lưu trữ trên các thiết bị điện tử và có các đặc tính sau:

a) Được đảm bảo bằng giá trị tiền gửi theo tỷ lệ 1:1 tại ngân hàng

b) Có quyền truy đòi tổ chức cung ứng tiền điện tử

c) Thể hiện ở dạng thẻ trả trước do ngân hàng cung ứng và ví điện tử do tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng.

d) Được sử dụng như phương tiện thanh toán để thực hiện các giao dịch thanh toán.

10. Ví điện tử

11. Phương thức giao dịch thanh toán

12. Đại lý thanh toán

13. Hoạt động đại lý thanh toán

14. Bên giao đại lý thanh toán

15. Bên đại lý thanh toán

16. Hệ thống thanh toán

17. Hệ thống thanh toán quan trọng

**Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt**

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Tổ chức, quản lý, vận hành, giám sát hệ thống thanh toán quốc gia; tham gia tổ chức, giám sát sự vận hành của các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế. Kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán quan trọng.

3. Cấp, thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt của các tổ chức và cá nhân.

5. Quản lý, giám sát hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thanh toán; quản lý giao dịch thanh toán, chuyển tiền quốc tế.

**Điều 5. Thanh toán bằng ngoại tệ và thanh toán quốc tế**

1. Thanh toán bằng ngoại tệ, thanh toán quốc tế phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và Nghị định này và/hoặc các thỏa thuận quốc tế về thanh toán mà Việt Nam tham gia.

2. Trong thanh toán quốc tế, trường hợp pháp luật Việt Nam chưa quy định thì áp dụng tập quán quốc tế, nếu không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

**Điều 6.** Phương thức giao dịch thanh toán

**Điều 7.** Thanh toán quốc tế

1. Tổ chức tín dụng được phép cung ứng dịch vụ thanh toán quốc tế kết nối với tổ chức thanh toán quốc tế:...

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hỗ trợ ngân hàng kết nối với tổ chức thanh toán quốc tế: ...

3. ...

**Điều 8. Các hành vi bị cấm**

1. Làm giả, sửa chữa, tẩy xóa, thay thế phương tiện thanh toán, chứng từ thanh toán; lưu giữ, lưu hành, chuyển nhượng, sử dụng phương tiện thanh toán giả, chứng từ thanh toán giả.

2. Xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập trái phép, phá hoại, làm thay đổi chương trình phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử sử dụng trong thanh toán; lợi dụng lỗi hệ thống mạng máy tính để trục lợi.

3. Cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình cung ứng và sử dụng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán.

4. Tiết lộ, cung cấp thông tin có liên quan đến tiền gửi của chủ tài khoản và các giao dịch thanh toán của khách hàng tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không đúng theo quy định của pháp luật.

5. Mở hoặc duy trì tài khoản thanh toán nặc danh, mạo danh; cho thuê, cho mượn tài khoản thanh toán.

6. Phát hành, cung ứng và sử dụng các phương tiện thanh toán không hợp pháp.

7. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong xử lý các giao dịch thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của khách hàng và ngân hàng vì mục đích trục lợi.

8. Thực hiện không đúng dịch vụ đã được Ngân hàng Nhà nước cấp trong Giấy phép và nội dung trình bày tại Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

9. Sử dụng tài khoản thanh toán, phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác.

10. Tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không được tẩy, xóa, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.

**Chương II. MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN**

**Điều 9.** Mở và sử dụng tài khoản thanh toán

**Điều 10.** Mở và sử dụng tài khoản thanh toán của Ngân hàng Nhà nước

**Điều 11.** Mở và sử dụng tài khoản thanh toán giữa các tổ chức tín dụng

**Điều 12.** Mở tài khoản thanh toán cho cá nhân và tổ chức không phải là tổ chức tín dụng

**Điều 13.** Sử dụng và ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán

**Điều 14.** Tạm khóa và phong tỏa tài khoản thanh toán

**Điều 15.** Đóng tài khoản thanh toán

**Chương III: DỊCH VỤ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT**

**Mục 1: Dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng**

**Điều 16. Dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng**

1. Cung ứng phương tiện thanh toán

2. Thực hiện dịch vụ thanh toán: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ.

3. Các dịch vụ thanh toán khác thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 17. Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng**

1. Ngân hàng Nhà nước

2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

3. Ngân hàng chính sách

4. Ngân hàng hợp tác xã cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

**Mục 2: Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán**

**của khách hàng**

**Điều 18. Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng**

1. Cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền.

2. Cung ứng dịch vụ thanh toán thu hộ, chi hộ.

**Điều 19. Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng**

1. Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng chính sách được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

2. Ngân hàng hợp tác xã cung ứng một hoặc một số dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

3. Quỹ tín dụng nhân dân được cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thu hộ và chi hộ cho các thành viên và phải được ghi trong Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp.

4. Tổ chức tài chính vi mô được cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thu hộ và chi hộ cho khách hàng tài chính vi mô và phải được ghi trong Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp.

5. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thu hộ và chi hộ sau khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 20 Nghị định này và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

**Điều 20. Điều kiện cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thu hộ và chi hộ**

Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích để được cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thu hộ và chi hộ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Mạng lưới hạ tầng, nhân sự

2. An ninh, an toàn trong cung ứng dịch vụ: hệ thống công nghệ thông tin, tiền mặt, kho quỹ

3. Có quy trình, nghiệp vụ; cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán

4. Tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền

5. Quản trị rủi ro và bảo vệ quyền lợi khách hàng.

**Điều 21. Quy trình, thủ tục chấp thuận bằng văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng**

**Mục 3: Hoạt động đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán**

**Điều 22. Các dịch vụ thanh toán được giao đại lý**

1. Bên giao đại lý được giao bên đại lý thực hiện một phần quy trình cung ứng dịch vụ thanh toán, bao gồm:

a) Dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ nộp tiền mặt vào tài khoản, rút tiền mặt từ tài khoản

b) Dịch vụ thu hộ, chi hộ: thanh toán hóa đơn, chi hộ lương,...

c) Nhận hồ sơ mở thẻ và bàn giao thẻ cho khách hàng do ngân hàng phát hành.

2. Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán

a) Đối với bên giao đại lý: yêu cầu bên đại lý phải mở tài khoản thanh toán tại bên giao đại lý để hỗ trợ thực hiện các nghiệp vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý.

b) Bên đại lý

- Trường hợp khách hàng có tài khoản thanh toán tại bên giao đại lý: kiểm tra, kiểm soát chứng từ thanh toán hợp lệ, thời hạn xử lý lệnh thanh toán,....

- Trường hợp khách hàng không có tài khoản thanh toán tại bên giao đại lý: nộp tiền mặt cho bên đại lý, sử dụng tài khoản thanh toán của bên đại lý để xử lý giao dịch, an toàn an ninh tiền mặt,...

- Hạn mức chuyển tiền đối với khách hàng.../ngày, hạn mức chuyển tiền đối với 1 đại lý..../ngày

........................................

**Điều 23. Nguyên tắc thực hiện giao và làm đại lý**

1. Bên giao đại lý xây dựng Đề án giao đại lý hoạt động thanh toán gửi Ngân hàng Nhà nước để xem xét, chấp thuận bằng văn bản, đảm bảo tối thiểu có các yếu tố sau:

a) Thỏa thuận làm đại lý phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản, phù hợp với quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Bên giao đại lý chỉ được giao cho bên đại lý thực hiện các nội dung quy định tại Điều 12 và Điều 22 Nghị định này và phù hợp với các hoạt động được ghi trong Giấy phép hoạt động của mình.

c) Bên giao đại lý chịu trách nhiệm cuối cùng về hoạt động đại lý thanh toán. Trách nhiệm của bên giao đại lý và bên đại lý phải được thỏa thuận tại hợp đồng giữa các bên và đảm bảo quyền lợi, tài sản của khách hàng theo quy định của pháp luật.

d) Trách nhiệm an ninh, an toàn bảo mật hệ thống công nghệ thông tin, cơ chế bảo vệ quyền lợi khách hàng, bảo vệ các dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư cá nhân của khách hàng.

đ) Tuân thủ phòng, chống rửa tiền.

e) Các thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bên giao đại lý lựa chọn ký kết hợp đồng với bên đại lý, đảm bảo tối thiểu có các yếu tố sau:

a) Bên đại lý chỉ được làm đại lý đối với việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ mà bên giao đại lý được thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Bên đại lý phải có quy trình nội bộ để quản lý rủi ro đối với từng hoạt động đại lý cụ thể; có cơ sở vật chất, mạng lưới và đội ngũ cán bộ có trình độ, chuyên môn, kỹ thuật để đảm bảo thực hiện nội dung đại lý hoặc theo yêu cầu của bên giao đại lý.

c) Bên đại lý phải tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về an toàn bảo mật hệ thống công nghệ thông tin khi thực hiện kết nối hệ thống công nghệ thông tin với bên giao đại lý khi làm đại lý đối với các hoạt động quy định.

d) Trong quá trình làm đại lý, bên đại lý phải thực hiện theo dõi, quản lý tiền, tài sản của bên giao đại lý theo đúng quy định của pháp luật, không được sử dụng tiền, tài sản cho các mục đích kinh doanh khác. Bên đại lý không được sử dụng các dữ liệu cá nhân của khách hàng cho các mục đích không thuộc phạm vi đại lý dưới bất kỳ hình thức nào.

đ) Việc làm đại lý thanh toán của bên đại lý thực hiện theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

e) Bên giao đại lý được bổ sung thêm các tiêu chí lựa chọn đại lý phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình và quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 24. Các nội dung quy định trong hợp đồng giao đại lý thanh toán**

1. Hợp đồng hoạt động đại lý thanh toán phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của bên giao đại lý, người đại diện hợp pháp của bên giao đại lý

b) Tên, địa chỉ của bên đại lý, người đại diện hợp pháp của bên đại lý

c) Phạm vi, nội dung đại lý

d) Thời hạn đại lý

đ) Phí đại lý

e) Quyền, nghĩa vụ của bên giao đại lý, bên đại lý

g) Chấm dứt hợp đồng trước hạn

h) Xử lý tranh chấp

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, các bên được thỏa thuận các nội dung khác tại hợp đồng hoạt động đại lý thanh toán phù hợp với quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

**Chương IV: DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN**

**Điều 25. Các dịch vụ trung gian thanh toán**

1. Dịch vụ cung ứng hạ tầng thanh toán điện tử: chuyển mạch, bù trừ, cổng thanh toán

2. Dịch vụ hỗ trợ dịch vụ thanh toán: ví điện tử, hỗ trợ thu hộ, chi hộ.

3. Các dịch vụ trung gian thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 26. Điều kiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

Các tổ chức không phải là ngân hàng có nhu cầu cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Điều kiện đáp ứng khi đề nghị cấp Giấy phép

- Có giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; có vốn điều lệ thực có tối thiểu tại thời điểm xin cấp phép là … tỷ đồng.

- Có phương án kinh doanh dịch vụ trung gian thanh toán được phê duyệt theo đúng quy định về thẩm quyền đầu tư tại điều lệ hoạt động của tổ chức: điều kiện nhân sự; điều kiện kỹ thuật, nghiệp vụ; điều kiện về đảm bảo an toàn, an ninh, bảo mật.

2. Điều kiện phải đáp ứng trong quá trình hoạt động

**Điều 27. Điều kiện thu hồi, cấp lại Giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

1. Thu hồi Giấy phép

2. Cấp lại Giấy phép: hết hạn, thu hồi, sửa đổi, bổ sung

**Điều 28. Điều kiện và tỷ lệ phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

1. Hình thức đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài: đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

2. Tỷ lệ tối đa phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài áp dụng đối với tổ chức không phải là ngân hàng đang làm thủ tục xin cấp Giấy phép cũng như tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, cụ thể:...

**Điều 29. Quy trình, thủ tục, hồ sơ cấp, thu hồi và cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán**

1. Quy trình, thủ tục cấp Giấy phép

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

3. Thời hạn Giấy phép

4. Thu hồi Giấy phép

5. Cấp lại Giấy phép: hết hạn, thu hồi, sửa đổi, bổ sung

**Chương V: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Điều 30**. Phí dịch vụ

**Điều 31**. Bồi thường thiệt hại

**Điều 32**. Giải quyết tranh chấp

**Điều 33**. Đảm bảo an toàn, bảo mật trong thanh toán

**Điều 34**. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng

**Điều 35**. Quyền của Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

**Điều 36**. Nghĩa vụ của Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

**Điều 37.** Quyền của Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

**Điều 38.** Nghĩa vụ của Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

**Điều 39.** Quyền của khách hàng

**Điều 40.** Nghĩa vụ của khách hàng

**Chương VI  
TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ GIÁM SÁT CÁC HỆ THỐNG THANH TOÁN QUAN TRỌNG, KIỂM TRA, GIÁM SÁT DỊCH VỤ THANH TOÁN QUAN TRỌNG, HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN**

**Điều 41.** Tổ chức, quản lý, vận hành và giám sát hệ thống thanh toán quốc gia

**Điều 42.** Giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế

**Điều 43.** Kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các dịch vụ thanh toán quan trọng.

**Chương VII  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 44.** Điều khoản chuyển tiếp

**Điều 45.** Hiệu lực thi hành

**Điều 46.** Trách nhiệm thi hành